

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **327/2022/HNGĐ-ST**

Ngày : 25/8/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM- TP HÀ NỘI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thùy Chi**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Đức Anh, Ông Dương Minh Tuấn;**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh- Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đ.T.H, sinh năm 1971

Nơi ĐKKHKT: C1-3 nhà B24 Kim Liên, X, Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm 1, thôn Cổ Điện, xã Y, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh H.B.C, sinh năm 1963;

Nơi ĐKNKTT và cư trú: Tổ dân phố M 4, phường M, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2022 và trong các văn bản tại Tòa án nguyên đơn chị Đ.T.H trình bày:

Chị Đ.T.H và anh H.B.C kết hôn ngày 16/01/1990 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thụy Khuê, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại C1-3 nhà B24 Kim Liên, X, Hà Nội, là nhà riêng của bố mẹ chị cho đến năm 2013 thì chuyển đi mỗi người ở một nơi. Chị chuyển ra ở cùng 2 con tại Xóm 1, thôn Cổ Điện, xã Y, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng chị không quan tâm đến vợ con, gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, không chia sẻ, thấu hiểu được với nhau trong công việc và cuộc sống. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mỗi người sống một nơi. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, là cháu H.H.N, sinh ngày 18/8/2008 và H.Đ.N, sinh ngày 19/4/1995. Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh. Cháu N hiện đang sinh sống cùng chị H, cháu sống cùng chị từ nhỏ đến bây giờ, cháu là trẻ khuyết tật. Anh C cũng không cấp dưỡng hay đóng góp tiền nuôi con cho chị H. Chị H có nguyện vọng nuôi cháu N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H.B.C trình bày: Về thời điểm kết hôn và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do tính chất công việc, anh thường xuyên phải đi làm ăn xa để có trang trải sinh hoạt gia đình nên không ở cùng ba mẹ con được nên vợ chồng cũng có những khoảng cách nhất định. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ở cùng nhau nữa nhưng vẫn qua lại có trách nhiệm với con cái. Tòa án đã để thêm thời gian cho vợ chồng anh, chị hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì anh vẫn không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung, là cháu H.H.N, sinh ngày 18/8/2008 và H.Đ.N, sinh ngày 19/4/1995. Anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc giải quyết về con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị không có.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C vì xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể khắc phục được do anh C không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh, chị đã sống ly thân một thời gian dài, từ năm 2016 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn phát sinh quan hệ tình cảm. Hiện tại chị thấy không còn tình cảm với anh C và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chị H giữ nguyên yêu cầu như các buổi làm việc tại Tòa án.

Bị đơn anh C không đồng ý ly hôn vì cháu N còn nhỏ, anh vẫn muốn cùng chị H chăm sóc, nuôi dạy cháu do cháu bị thiệt thòi về thể chất là trẻ khuyết tật nên không muốn cháu phải chịu thiệt thòi thêm về tình cảm gia đình. Anh C cho rằng chị H có quan hệ với người khác nên dẫn đến tình cảm của vợ chồng anh chị bị sút mẻ. Chị H xin ly hôn anh không đồng ý tuy nhiên cũng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Về con chung và tài sản chung anh C vẫn giữ nguyên lời trình bày như các buổi làm việc tại Tòa án. Trường hợp phải ly hôn anh cũng không có nguyện vọng nuôi con vì thu nhập bấp bênh không đảm bảo kinh tế nuôi con.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình xây dựng hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với người tham gia tố tụng, về phía nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đ.T.H, cho chị H được ly hôn với anh H.B.C. Về con chung: Giao cháu H.H.N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ anh chị không có không yêu cầu nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh H.B.C có hộ khẩu thường trú và trú tại Tổ dân phố M 4, phường M, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chị Đ.T.H có đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

*Chị Đ.T.H kết hôn với anh H.B.C ngày 16/01/1990 trên cơ sở có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Thụy Khuê, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng anh chị chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C không quan tâm đến vợ con, gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, không chia sẻ, thấu hiểu được với nhau trong công việc và cuộc sống. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Cả anh C và chị H đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn có khoảng cách, đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2016 cho đến nay. Mẹ chị H là bà L.T.T.VB cũng có ý kiến gửi tới Tòa án về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị đã kéo dài, tình cảm không còn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được ly hôn. Bà cũng xuất trình 1 giấy vay tiền anh C vay của bà số tiền 196.000.000 đồng nhưng bà không yêu cầu Tòa án xem xét khoản vay trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và hòa giải anh C cũng xác định vợ chồng anh chị sống ly thân từ khoảng năm 2016 cho đến nay nhưng anh không đồng ý ly hôn vì con chung là cháu N còn nhỏ, anh vẫn muốn cùng chị H chăm sóc, nuôi dạy cháu do cháu bị thiệt thòi về thể chất là trẻ khuyết tật nên không muốn cháu phải chịu thiệt thòi thêm về tình cảm gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và C nguyên nhân là do tính chất công việc của anh C thường xuyên phải xa nhà dẫn đến sự quan tâm đến gia đình, vợ con không nhiều khiến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh chị đã ly thân một thời gian dài, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên Tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, xét thấy yêu cầu của chị H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh C.

*Về con chung : Anh chị có hai con chung là cháu H.H.N, sinh ngày 18/8/2008 và H.Đ.N, sinh ngày 19/4/1995. Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh. Cháu N hiện đang sinh sống cùng chị H, cháu sống cùng chị từ nhỏ đến bây giờ, cháu là trẻ khuyết tật. Chị H có nguyện vọng nuôi cháu N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C không có nguyện vọng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H: Chị H đang buôn bán nhỏ tại nhà tổng thu nhập mỗi tháng khoảng gần 10.000.000 đồng. Chị hiện đang thuê nhà trọ sống tại xóm 1, thôn Cổ Điển, xã Y, huyện Đông Anh cùng cháu N. Lý do chị xin nuôi con vì cháu N là trẻ khuyết tật, từ nhỏ đã sống cùng chị nên cần sự chăm sóc của người mẹ, kể từ khi anh chị sống ly thân, anh C không đưa tiền cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng cho chị, chị cũng có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Căn cứ vào hồ sơ bệnh án, xác nhận của UBND phường M và ý kiến của phòng Lao động thương binh xã hội quận Bắc Từ Liêm cũng cho rằng cháu N là trẻ khuyết tật thuộc phường Đông Nhạc hiện đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng do Phòng Lao động thương binh và xã hội quận Bắc Từ Liêm đang quản lý thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng nên việc giao con cho chị H nuôi dưỡng sẽ đảm bảo

môi trường tốt cho cháu phát triển toàn diện , phù hợp và có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào nguyện vọng của chị H cũng như xét điều kiện kinh tế và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng cháu N thì việc giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo sự phát triển của cháu N .Vì vậy, căn cứ Điều 81,Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu H.H.N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con của anh C vì chị H chưa có yêu cầu

* Về tài sản chung và nợ chung: Hai anh chị không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

*Về án phí: Chị Đ.T.H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 81,Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ : Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.T.H. Chị Đ.T.H được ly hôn với anh H.B.C.

2. Về con chung: Hai anh chị có 02 con chung là cháu H.H.N, sinh ngày 18/8/2008 và H.Đ.N, sinh ngày 19/4/1995. Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh. Giao cháu H.H.N cho chị Đ.T.H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh C tiền cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con của anh C cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đ.T.H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AA/2020/0043129 ngày 20/5/2022 của Chi cục thi hành án quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đ.T.H và anh H.B.C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận :

- TAND Thành phố HN
- VKS quận Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội
- Cơ quan Thi hành án quận Bắc Từ Liêm
- Các đương sự;
- UBND phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Thùy Chi